

Số: 219/2020/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 11 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 3, phường P, thị xã Q, TỈNH Q

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu 3, phường P, thị xã Q, TỈNH Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn M.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn M có 03 con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 24/12/2005; Nguyễn Minh A1, sinh ngày 14/4/2008 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 27/6/2014. Ly hôn, chị H và anh M thoả thuận giao ba con chung Nguyễn Nam K, Nguyễn Minh A1 và Nguyễn Hoàng A cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi con là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng, tính từ tháng 11/2020 đến khi các con

chung thành niên. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn M thỏa thuận chị H và anh M không có tài sản chung, tự thỏa thuận với nhau về nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), trong đó có: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001537 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, TỈNH Q, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TX Q ;
- Chi cục THADS TX Q ;
- UBND phường P ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Tố Nga**